

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Khóa thi: ngày 03/7/2021

(theo quyết định số: 30 /QĐ/TTNNTH, ngày 06 tháng 7 năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Đánh giá
1	21CB2336	Trần Thị Vân Anh	27/10/1982	Quảng Nam	Nữ	Kinh	9.0	9.5	Đạt
2	21CB2337	Nguyễn Thị Tuyết Anh	28/12/1978	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	9.0	Đạt
3	21CB2338	Nguyễn Thị Vân Anh	18/09/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.0	8.0	Đạt
4	21CB2339	Trịnh Thế Anh	13/02/1995	Quảng Nam	Nam	Kinh	8.7	8.5	Đạt
5	21CB2340	Nguyễn Thị Ánh	16/04/1972	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.5	Đạt
6	21CB2342	Đỗ Thị Kiều Chinh	02/12/1981	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.0	7.5	Đạt
7	21CB2343	Hồ Thị Chính	15/09/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	7.5	Đạt
8	21CB2344	Huỳnh Thị Anh Đào	02/09/1986	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.7	8.5	Đạt
9	21CB2345	Lê Thị Dung	13/03/1994	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.3	8.0	Đạt
10	21CB2346	Phạm Tuấn Dũng	15/11/1979	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.3	7.0	Đạt
11	21CB2347	Trần Thị Duy	28/07/1985	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.0	Đạt
12	21CB2348	Nguyễn Thị Hà	20/07/1990	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	7.0	8.0	Đạt
13	21CB2349	Nguyễn Thị Hà	08/03/1996	Quảng Trị	Nữ	Kinh	6.0	8.0	Đạt
14	21CB2350	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	15/10/1994	Quảng Nam	Nữ	Kinh	9.3	9.0	Đạt
15	21CB2399	Nguyễn Thị Thanh Hậu	05/06/1992	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.0	8.5	Đạt
16	21CB2351	Phạm Thị Mỹ Hạnh	20/09/1988	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.3	8.5	Đạt
17	21CB2352	Thái Thị Minh Hiếu	23/08/1976	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.3	6.0	Đạt
18	21CB2353	Huỳnh Thanh Hoàng	18/08/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5.3	8.0	Đạt
19	21CB2354	Trần Vĩnh Hùng	05/03/1968	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	8.0	9.0	Đạt
20	21CB2355	Dương Thị Kiều Loan	09/09/1981	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.0	8.0	Đạt
21	21CB2356	Nguyễn Thị Lợi	10/08/1982	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.0	Đạt
22	21CB2357	Lê Thị Lựu	20/11/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.7	7.5	Đạt
23	21CB2358	Nguyễn Thị Thanh Minh	05/04/1990	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	5.0	8.0	Đạt
24	21CB2359	Trần Thị Trà My	30/03/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	7.0	Đạt
25	21CB2360	Hà Nhi Na	26/01/1989	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.0	7.5	Đạt
26	21CB2361	Nguyễn Vũ Huyền Nga	08/08/1986	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	8.0	Đạt
27	21CB2362	Hồ Thị Bích Nga	16/12/1987	Quảng Nam	Nữ	10/Nôn	7.0	9.0	Đạt

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Đánh giá
28	21CB2363	ZoRâm Nghêêm	16/10/1995	Quảng Nam	Nam	Cơ Tu	6.3	8.0	Đạt
29	21CB2364	Hà Thị Kim Ngọc	05/03/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	8.5	Đạt
30	21CB2365	Trương Thị Cẩm Nguyên	02/04/1986	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.3	8.0	Đạt
31	21CB2366	Huỳnh Thị Bích Nhân	12/03/1997	Quảng Nam	Nữ	Kinh	10.0	7.0	Đạt
32	21CB2367	Nguyễn Lữ Anh Nhạn	20/08/1991	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.0	7.0	Đạt
33	21CB2368	Nguyễn Thị Nhiên	12/12/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	5.5	Đạt
34	21CB2369	Phan Thị Nhung	10/08/1987	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.3	7.5	Đạt
35	21CB2370	ZoRâm Nước	15/11/2000	Quảng Nam	Nam	Cơ Tu	8.3	7.5	Đạt
36	21CB2371	Kiều Thị Phượng	12/10/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.7	8.0	Đạt
37	21CB2372	Huỳnh Thị Hồng Phượng	24/04/1986	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.0	8.0	Đạt
38	21CB2373	Nguyễn Văn Sang	01/12/1995	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt
39	21CB2374	CơLâu Thị Siêng	08/09/1996	Quảng Nam	Nữ	CơTu	6.7	6.5	Đạt
40	21CB2375	Trần Hoàng Tài	28/10/1991	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.0	8.5	Đạt
41	21CB2376	Nguyễn Văn Tám	05/01/1995	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	7.0	Đạt
42	21CB2377	Võ Tâm	28/04/1992	Quảng Nam	Nam	Kinh	8.0	5.5	Đạt
43	21CB2378	Ngô Thị Minh Tâm	18/02/1980	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	9.0	Đạt
44	21CB2379	Huỳnh Thị Phương Thảo	08/05/1994	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.3	9.0	Đạt
45	21CB2380	Nguyễn Thị Thu	05/03/1976	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.3	7.5	Đạt
46	21CB2381	Nguyễn Hà Thương	15/10/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.3	6.0	Đạt
47	21CB2382	Ngô Thị Thanh Thúy	20/07/1995	Quảng Trị	Nữ	Kinh	8.7	7.5	Đạt
48	21CB2383	Đoàn Thị Thúy	08/02/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.3	7.0	Đạt
49	21CB2384	Nguyễn Thị Hương Thủy	25/01/1991	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	5.0	7.5	Đạt
50	21CB2385	Nguyễn Thị Thu Thủy	24/08/1994	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.0	8.5	Đạt
51	21CB2386	Trần Thị Thủy	01/09/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.7	9.0	Đạt
52	21CB2387	Lê Thị Tình	20/12/1978	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	7.5	Đạt
53	21CB2388	Nguyễn Thị Thùy Trâm	02/02/1973	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.7	6.5	Đạt
54	21CB2389	Nguyễn Thị Thu Trang	21/12/1983	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.0	9.5	Đạt
55	21CB2390	Nguyễn Lữ Anh Trang	24/09/1988	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	5.3	9.0	Đạt
56	21CB2391	Võ Thị Thuý Trang	11/02/1981	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	7.3	8.0	Đạt
57	21CB2392	Trần Thị Kim Triều	28/10/1980	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.7	6.5	Đạt
58	21CB2393	ZoRâm Trung	06/03/1976	Quảng Nam	Nam	CơTu	6.0	8.0	Đạt
59	21CB2394	Nguyễn Kiều Mộng Tường	16/12/1983	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.0	8.5	Đạt

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Đánh giá
60	21CB2395	Hồ Thị Tuyết	15/07/1989	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	7.0	Đạt
61	21CB2396	Brao Ước	18/08/1996	Quảng Nam	Nam	Ka Tu	8.0	9.0	Đạt
62	21CB2397	Nguyễn Phương Tú Uyên	15/01/1998	Quảng Nam	Nữ	Kinh	9.0	9.0	Đạt
63	21CB2398	Châu Hoài Vy	24/10/1993	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.7	9.0	Đạt
64	21CB2341	Nguyễn Thị Tường Vi	17/12/1998	Quảng Nam	Nữ	Kinh	9.0	9.5	Đạt

Danh sách này có:64 (thí sinh)